

Số: 450/TB-ĐHSPTDTHN

THÔNG BÁO

Quy đổi tương đương điểm xét trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển đại học năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng 2026;

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDDH ngày 06/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026, điểm học tập bậc trung học phổ thông (THPT);

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 29/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội) về việc ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội; Căn cứ Thông báo số 466/TB-ĐHSPTDTHN ngày 07/7/2026 về Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển vào đại học chính quy năm 2026 của Trường ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội; Căn cứ kết luận của Lãnh đạo Hội đồng Tuyển sinh Trường ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội họp ngày 08/7/2026;

Trường ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội thông báo về Quy đổi tương đương điểm xét trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển (PTXT) đại học năm 2026 :

- Quy đổi điểm giữa 2 phương thức xét tuyển : PTXT 405 (xét kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu TDTT) và PTXT 406 (xét kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu TDTT).

- Quy đổi điểm giữa 2 phương thức xét tuyển : PTXT 100 (xét kết quả thi tốt nghiệp THPT) và PTXT 200 (xét kết quả học tập bậc THPT).

Nhà trường đã tham khảo bảng Bách phân vị (Percentile Equating) tổng điểm một số tổ hợp truyền thống theo kết quả thi tốt nghiệp THPT đã hiệu chuẩn năm 2026 do Bộ GD&ĐT công bố, đồng thời tập trung phân tích dữ liệu trong Bảng tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở bậc THPT năm 2026 do Bộ GD&ĐT công bố, đối với 5 môn học : Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế pháp luật. Từ đó, nhà trường xây dựng các bảng Phân vị khoảng quy đổi điểm tương đương giữa điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm học bạ bậc THPT của từng môn thi /môn học : Toán, Ngữ văn – áp dụng trong các tổ hợp môn T11, T12 xét tuyển đại học vào các ngành : Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao, Quản lý Thể dục Thể thao; bảng Phân vị khoảng quy đổi điểm tương đương giữa điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm học bạ bậc THPT áp dụng trong các tổ hợp môn C00, C19, C20 xét tuyển đại học vào ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Cụ thể như sau :

I. Xét tuyển các ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao và Quản lý Thể dục Thể thao :

Khi xét tuyển các ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao và Quản lý TDTT, điểm các môn thi Năng khiếu giữ nguyên trong các phương thức xét tuyển 405 và 406. Ta sử dụng Bảng 1, Bảng 2 dưới đây để quy đổi điểm tương đương môn Toán / Ngữ văn giữa điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm học bạ bậc THPT, với các tổ hợp xét tuyển :

T11 : Toán + Năng khiếu 1 + Năng khiếu 2 (Toán + NK1 + NK2)

T12 : Ngữ Văn + Năng khiếu 1 + Năng khiếu 2. (Ngữ văn + NK1 + NK2)

Bảng 1. Phân vị khoảng quy đổi điểm tương đương môn Toán.

	Các khoảng quy đổi điểm tương đương					
	Khoảng 1	Khoảng 2	Khoảng 3	Khoảng 4	Khoảng 5	Khoảng 6
Điểm thi tốt nghiệp THPT [a , b]	0 - 3.11	3.12 - 4.37	4.38 - 5.64	5.65 - 6.91	6.92 - 8.17	8.18 - 10
Điểm học bạ bậc THPT [c , d]	0 - 5.55	5.56 - 6.42	6.43 - 7.29	7.30 - 8.16	8.17 - 9.03	9.04 - 10

Bảng 2. Phân vị khoảng quy đổi điểm tương đương môn Ngữ văn.

	Các khoảng quy đổi điểm tương đương					
	Khoảng 1	Khoảng 2	Khoảng 3	Khoảng 4	Khoảng 5	Khoảng 6
Điểm thi tốt nghiệp THPT [a , b]	0 - 4.72	4.73 - 5.61	5.62 - 6.49	6.50 - 7.37	7.38 - 8.26	8.27 - 10
Điểm học bạ bậc THPT [c , d]	0 - 5.97	5.98 - 6.65	6.66 - 7.32	7.33 - 7.99	8.00 - 8.67	8.68 - 10

Ngưỡng điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển :

(Môn 3 là một môn thi THPT, điểm UT = điểm ưu tiên đối tượng, khu vực)

* Ngành Giáo dục Thể chất : Điểm thi THPT (Toán + Ngữ văn + Môn 3) ≥ 16.50

Phương thức 405 : Điểm (Toán/Ngữ văn) thi THPT + 1/3 điểm UT ≥ 6.33

Điểm (Toán/Ngữ văn) thi THPT + điểm NK1 + điểm NK2 + điểm UT ≥ 19.00

Phương thức 406 :

Điểm (Toán/Ngữ văn) học bạ bậc THPT + điểm NK1 + điểm NK2 + điểm UT ≥ 20.00

Điểm Năng khiếu 1 ≥ 5.0 , Điểm Năng khiếu 2 ≥ 5.0

* Ngành Huấn luyện Thể thao và ngành Quản lý Thể dục Thể thao :

Điểm thi THPT (Toán + Ngữ văn + Môn 3) ≥ 15.00

Phương thức 405 : Điểm (Toán/Ngữ văn) thi THPT + 1/3 điểm UT ≥ 5.00

Điểm (Toán/Ngữ văn) thi THPT + điểm NK1 + điểm NK2 + điểm UT ≥ 15.00

Điểm (Toán/Ngữ văn) học bạ bậc THPT + điểm NK1 + điểm NK2 + điểm UT ≥ 16.00

II. Xét tuyển các ngành Giáo dục Quốc phòng – An ninh :

Sử dụng Bảng 3 để quy đổi điểm tương đương giữa điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm học bạ bậc THPT (phương thức xét tuyển 100 và 200), các tổ hợp xét tuyển :

C00 : Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý

C19 : Ngữ văn + GDKTPL + Lịch sử

C20 : Ngữ văn + GDKTPL + Địa lý.

Môn Giáo dục kinh tế pháp luật (GDKTPL) từ năm 2024 trở về trước là môn Giáo dục công dân (GDCD).

Bảng 3. Phân vị khoảng quy đổi điểm tương đương điểm xét trúng tuyển ngành Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

	Các khoảng quy đổi điểm tương đương		
	Khoảng 1	Khoảng 2	Khoảng 3
Điểm thi tốt nghiệp THPT [a , b]	20.00 - 21.46	21.47 - 24.59	24.60 - 30
Điểm học bạ bậc THPT [c , d]	23.80 - 24.78	24.79 - 26.89	26.90 - 30

Ngưỡng điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển (theo các tổ hợp xét tuyển C00, C19, C20) : Điểm thi THPT ≥ 20.00 , Điểm học bạ bậc THPT ≥ 23.80 .

III. Cách Quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức tuyển sinh.

Từ các bảng Phân vị khoảng quy đổi điểm tương đương nói trên, với các giá trị bắt đầu, kết thúc của khoảng quy đổi điểm tương đương cụ thể, sẽ thực hiện nội suy hàm quy đổi điểm tương đương giữa điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm học bạ bậc THPT trong các phương thức tuyển sinh khác nhau.

Điểm y thuộc khoảng $[c , d]$ của điểm học bạ bậc THPT được quy đổi ra điểm x tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT thuộc khoảng tương ứng $[a , b]$ như sau :

$$x = a + \frac{(y - c)}{(d - c)} \times (b - a)$$

Ngược lại, điểm x thuộc khoảng $[a , b]$ của điểm thi tốt nghiệp THPT được quy đổi ra điểm y tương đương điểm học bạ bậc THPT thuộc khoảng tương ứng $[c , d]$:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

Trong đó : x là điểm thi tốt nghiệp THPT.

y là điểm học bạ bậc THPT.

a là điểm bắt đầu khoảng điểm thi tốt nghiệp THPT.

b là điểm kết thúc khoảng điểm thi tốt nghiệp THPT.

c là điểm bắt đầu khoảng điểm học bạ bậc THPT.

d là điểm kết thúc khoảng điểm học bạ bậc THPT.

Để học sinh, phụ huynh dễ theo dõi, Nhà trường minh họa cách quy đổi điểm thi tốt nghiệp THPT sang điểm tương đương điểm học bạ bậc THPT và ngược lại.

Ví dụ 1 : Một thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán $x = 6.25$ điểm. Theo Bảng 1, điểm thi tốt nghiệp THPT $x = 6.25$ thuộc khoảng $[a , b] = [5.65 - 6.91]$. Ta có thể quy đổi sang điểm tương đương điểm học bạ bậc THPT như sau.

Khi đó điểm y quy đổi tương đương với điểm học bạ bậc THPT sẽ thuộc khoảng tương ứng $[c , d] = [7.30 - 8.16]$. Từ đó các tham số quy đổi tương đương sẽ là : $a = 5.65$; $b = 6.91$; $c = 7.30$; $d = 8.16$. Ta có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán $x = 6.25$ của thí sinh này quy đổi tương đương sang điểm học bạ bậc THPT là :

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

$$y = 7.30 + \frac{(6.25 - 5.65)}{(6.91 - 5.65)} \times (8.16 - 7.30); \quad y = 7.71 \text{ điểm}$$

Vậy : thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán **6.25** điểm sẽ được quy đổi tương đương sang trung bình chung môn Toán học bạ bậc THPT là **7.71** điểm.

Ví dụ 2 : Một thí sinh có điểm trung bình chung học bạ bậc THPT môn Văn $y = 7.56$ điểm. Theo Bảng 2, điểm học bạ bậc THPT $y = 7.56$ thuộc $[c, d] = [7.33 - 7.99]$, khoảng 4. Ta quy đổi sang điểm tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT như sau.

Khi đó điểm x quy đổi tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT sẽ thuộc khoảng tương ứng $[a, b] = [6.50 - 7.37]$. Các tham số quy đổi tương đương sẽ là : $a = 6.50$; $b = 7.37$; $c = 7.33$; $d = 7.99$. Điểm học bạ bậc THPT môn Văn $y = 7.56$ của thí sinh này quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT môn Văn là :

$$x = a + \frac{(y - c)}{(d - c)} \times (b - a)$$

$$x = 6.50 + \frac{(7.56 - 7.33)}{(7.99 - 7.33)} \times (7.37 - 6.50); \quad x = 6.80 \text{ điểm}$$

Vậy : thí sinh có điểm trung bình chung học bạ bậc THPT môn Văn **7.56** điểm sẽ được quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT môn Văn là **6.80** điểm.

Ví dụ 3 : Một thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT tổ hợp C19 (Ngữ văn + GDKTPL + Lịch sử) là : $x = 23.25$ điểm. Điểm thi tốt nghiệp THPT $x = 23.25$ thuộc khoảng 3 là $[a, b] = [21.47 - 24.59]$. Ta quy đổi tương đương điểm học bạ bậc THPT.

Theo Bảng 3, điểm y quy đổi tương đương với điểm học bạ bậc THPT sẽ thuộc khoảng tương ứng $[c, d] = [24.79 - 26.89]$. Các tham số quy đổi tương đương là : $a = 21.47$; $b = 24.59$; $c = 24.79$; $d = 26.89$. Điểm thi tốt nghiệp THPT tổ hợp C19 của thí sinh này là $x = 23.25$ quy đổi tương đương sang điểm học bạ bậc THPT như sau :

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

$$y = 24.79 + \frac{(23.25 - 21.47)}{(24.59 - 21.47)} \times (26.89 - 24.79); \quad y = 25.99 \text{ điểm}$$

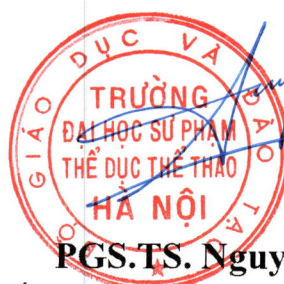
Vậy : thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán **23.25** điểm sẽ được quy đổi tương đương sang trung bình chung môn Toán học bạ bậc THPT là **25.99** điểm.

Nhà trường sẽ công bố điểm trúng tuyển ở cả hai phương thức xét tuyển đối với mỗi ngành, với thang điểm 30 (xét tổng điểm các môn xét tuyển trong tổ hợp).

*** Nơi nhận :**

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng tuyển sinh;
- Website Trường;
- Lưu : HCTH; QLĐT-KH&HTQT

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết